

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02289**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thương phẩm và an toàn thực phẩm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060784	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/10/2009			8.5	8.5	8.5		6.8		7.5
2	2458102060785	Trần Thị Phương	Anh	17/10/2009			7	5.5	6.5		6.3		6.3
3	2458102060786	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/10/2009			10	8.5	7.5		8.8		8.6
4	2458102060787	Lê Thị Kim	Cương	05/03/2009			9.5	8.0	8.5		9.0		8.8
5	2458102060788	Hà Trường	Duy	19/07/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2458102060789	Trương Minh Tuấn	Đạt	14/12/2009			8	0.0	0.0		0.0	0.0	0.6
7	2458102060790	Phan Tấn	Hoàng	30/07/2009			7.5	7.0	8.5		8.8		8.4
8	2458102060791	Đặng Thanh	Huy	19/01/2009			5	7.5	8.5		9.3		8.5
9	2458102060792	Trần Trung	Hữu	01/07/2009			7	7.0	5.5		6.0		6.2
10	2458102060793	Trần Võ Minh	Khang	20/12/2009			5	6.0	7.5		7.8		7.2
11	2458102060794	Nguy Huỳnh Ngân	Khánh	19/05/2009			7	6.0	7.0		9.3		8.2
12	2458102060795	Nguyễn Đăng	Khoa	24/04/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2458102060796	Trình Huỳnh Tuyết	Khương	18/11/2009			0	0.0	7.0		0.0	0.0	1.1
14	2458102060797	Nguyễn Trung	Kiên	13/08/2009			9.5	9.0	9.5		8.8		9.0
15	2458102060798	Ngô Nguyễn Phương	Long	03/09/2009			7	0.0	0.0		0.0	0.0	0.6
16	2458102060799	Nguyễn Thị Ngọc	Mộng	04/03/2009			8.5	9.0	8.5		9.3		9.1
17	2458102060800	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/02/2009			7	6.0	8.5		9.3		8.5
18	2458102060801	Nguyễn Ngọc	Nhung	23/08/2009			9.5	6.0	8.5		9.0		8.5
19	2458102060802	Dương Thị Ngọc	Như	05/09/2009			5	7.5	7.5		9.0		8.2
20	2458102060803	Đoàn Huỳnh	Như	04/05/2009			7	6.0	7.0		8.3		7.6
21	2458102060804	Văn Tấn	Pháp	11/05/2009			5	6.0	6.5		0.0		2.4
22	2458102060805	Nguyễn Duy	Phương	24/12/2009			7.5	6.0	8.5		6.5		6.8
23	2458102060806	Nguyễn Hà Kim	Phượng	25/05/2009			8	8.5	8.5		8.8		8.6
24	2458102060807	Nguyễn Bích Vân	Tâm	04/04/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
25	2458102060808	Tăng Nguyễn Hoài	Thắng	26/12/2008			0	5.0	6.5		0.0	0.0	1.8
26	2458102060809	Đặng Huỳnh Thanh	Thư	29/05/2009			7	5.0	5.5		6.8		6.3
27	2458102060810	Phạm Trần Minh	Thư	27/07/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
28	2458102060811	Phạm Nguyễn Mỹ	Tiên	11/08/2009			5	6.5	8.0		7.5		7.2
29	2458102060812	Đặng Thùy	Trâm	25/08/2009			7	5.0	5.5		8.3		7.2
30	2458102060813	Lý Trân	Trân	30/08/2009			7	6.0	8.5		8.3		7.9
31	2458102060814	Nguyễn Lê Huyền	Trân	11/11/2009			6	4.5	6.0		5.0		5.2
32	2458102060815	Trần Thị Bảo	Trân	03/04/2009			9.5	9.5	8.5		8.3		8.6
33	2458102060816	Âu Lê Quốc	Tuấn	10/01/2009			5	5.5	7.5		6.3		6.3
34	2458102060817	Lê Văn	Việt	18/10/2009			8.5	6.0	8.5		8.8		8.3
35	2458102060818	Huỳnh Khánh	Vy	28/04/2009			8	6.0	8.5		5.5		6.3
36	2458102060819	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/01/2009			5	6.5	7.5		8.0		7.4

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060820	Nguyễn Thị Kim YẾN	19/07/2009				9	8.0	8.5			8.5		8.5

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Mai Nhật Thanh